

Vietnam Daily Review

Xu hướng hồi phục mạnh mẽ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/6/2022	•		
Tuần 27/6-1/7/2022	•		
Tháng 6/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay tăng điểm ngay từ đầu phiên, đóng cửa trên ngưỡng tâm lý 1200, tuy nhiên thanh khoản thấp cho thấy tâm lý thị trường vẫn còn yếu khi đứng trước ngưỡng này. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/19 ngành tăng điểm, 26/30 mã thuộc nhóm VN30 đóng cửa trong sắc xanh. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Trong những phiên tới, thị trường sẽ có những phiên giao dịch củng cố ngưỡng tâm lý 1,200 điểm và duy trì xu hướng tích cực đón đầu công bố các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và KQKD quý II.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/06/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): DBC_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **17.34** điểm, đóng cửa **1202.82** điểm. HNX-Index **4.5** điểm, đóng cửa **280.42** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **NVL (+2.48)**, **HPG (+1.29)**, **MSN(+1.28)**, **CTG (+1.05)**, **VPB (+0.85)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.75)**, **DPM (-0.33)**, **DCM (-0.31)**, **DGC (-0.24)**, **LPB (-0.21)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 9.757 tỷ đồng, tăng **15.13%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 12.315 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 16.08 điểm. Thị trường có **340** mã tăng, 58 mã tham chiếu và **116** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **252.75 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (59.64 tỷ)**, **MSN (57.47 tỷ)**, **CTG (51.01 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-12.77 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1202.82**Giá trị: 9757.45 tỷ **17.34 (1.46%)**

Khối ngoại (ròng): 252.75 tỷ

HNX-INDEX **280.42**Giá trị: 2463.99 tỷ **4.49 (1.63%)**

Khối ngoại (ròng): -12.77 tỷ

UPCOM-INDEX **88.14**Giá trị: 5.31 tỷ **1.04 (1.19%)**

Khối ngoại (ròng): -30.09 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	107.0	-0.57%
Giá vàng	1,838	0.61%
Tỷ giá USD/VND	23,251	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	24,592	0.30%
Tỷ giá JPY/VND	17,205	0.12%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	0.25%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	59.6	NVL	-77.7
NSB	57.5	DGC	-77.4
CTG	51.0	VNM	-36.7
VHM	49.9	DCM	-20.0
VND	34.6	VCB	-13.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

DBC_Tin hiệu hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD dưới đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: Đường RSI từ vùng quá bán đi lên

Nhận định: DBC có một phiên tăng điểm tốt với mẫu hình nền Marubozu gần như hoàn hảo. Thanh khoản cổ phiếu thấp hơn ngưỡng trung bình 20 phiên. Đường MACD có dấu hiệu cắt đường tín hiệu đi lên, chỉ RSI tạo phân kỳ tăng, đồng thời đi từ vùng quá bán đi lên, ủng hộ xu hướng hồi phục trở lại. Đường giá cổ phiếu nằm dưới MA(20) và MA(50), tuy nhiên đang có tín hiệu hồi và tiếp cận lại đường MA(20). Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 19.45, chốt lãi tại ngưỡng 24 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 18.25.



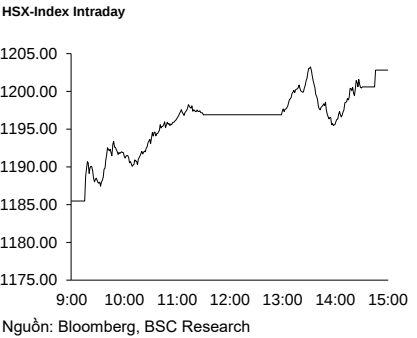
Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

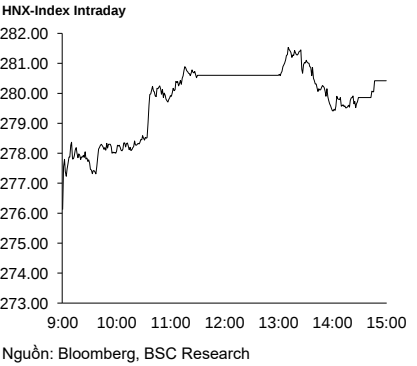
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	5.62%
Dịch vụ tài chính	5.06%
Du lịch và Giải trí	4.57%
Tài nguyên Cơ bản	3.85%
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.41%
Ô tô và phụ tùng	3.31%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.95%
Dầu khí	1.93%
Xây dựng và Vật liệu	1.64%
Thực phẩm và đồ uống	1.45%
Công nghệ Thông tin	1.43%
Bất động sản	1.37%
Bảo hiểm	1.09%
Ngân hàng	1.01%
Y tế	0.85%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.66%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	-0.15%
Hóa chất	-0.39%

Hình 1



Hình 2



Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	52.5	4	-0.94%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:							(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

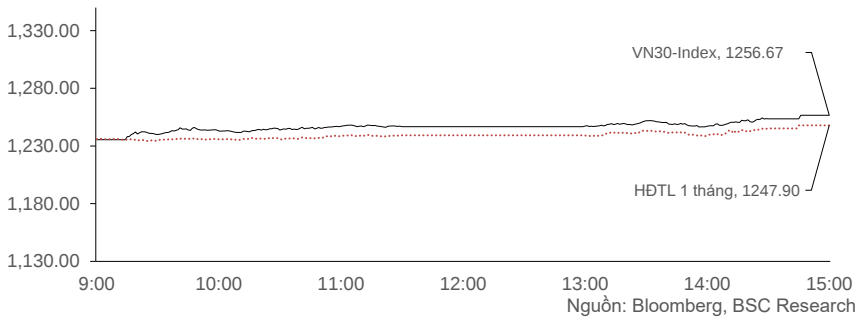
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
5/31/2022	CTD	54.5	61	51	SL	20	-6.42%
5/30/2022	PDR	55.3	61.3	52	SL	11	-5.97%
5/27/2022	MWG	146.7	162	140	SL	17	-4.57%
5/26/2022	DBC	25.3	30.2	22.5	SL	18	-11.07%
5/25/2022	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
5/19/2022	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
5/18/2022	VCI	35	48	32.5	SL	28	-7.14%
5/4/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
5/3/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	1	0.00%	-0.94%	-0.94%	4
Cổ phiếu đã chốt	248	219	7.16%	-7.57%	4.21%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1247.90	1.70%	-8.77	-10.3%	218,952	7/21/2022	26
VN30F2208	1245.60	1.67%	-11.07	218.5%	621	8/18/2022	54
VN30F2209	1246.00	1.66%	-10.67	-59.8%	74	9/15/2022	82
VN30F2212	1248.20	1.64%	-8.47	-40.1%	106	12/15/2022	173

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 21.2 điểm lên 1256.67 điểm. Các cổ phiếu như NVL, HPG, VPB, MSN và PNJ đã tác động đến nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở hầu hết các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30F2209 tăng so với phiên trước đó. Nhịp vận động tích cực của VN30 trong phiên cho thấy tín hiệu hồi phục mạnh mẽ, tuy nhiên thanh khoản thị trường vẫn ở mức thấp.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2210	10/20/2022	115	8:1	624,700	36.21%	1,100	140	27.27%	0	3,219.04	48,817	47,777	22,900
CVJC2202	9/20/2022	85	20:1	171,300	28.30%	1,100	370	19.35%	63	5.90	163,389	156,789	133,000
CVJC2202	9/20/2022	85	20:1	171,300	28.30%	1,100	370	19.35%	63	5.90	163,389	156,789	133,000
CVJC2202	9/20/2022	85	20:1	171,300	28.30%	1,100	370	19.35%	63	5.90	163,389	156,789	133,000
CHPG2208	10/7/2022	102	5:1	198,800	36.21%	2,500	380	15.15%	1	479.33	42,550	40,000	22,900
CHPG2208	10/7/2022	102	5:1	198,800	36.21%	2,500	380	15.15%	1	479.33	42,550	40,000	22,900
CACB2201	9/20/2022	85	3.2:1	148,900	29.29%	1,500	380	15.15%	72	5.28	29,800	35,500	23,950
CPOW2203	9/5/2022	70	2:1	990,800	54.56%	1,600	820	9.33%	343	2.39	18,200	15,700	13,850
CVRE2208	7/11/2022	14	2:1	68,400	38.91%	2,300	1,470	8.09%	833	1.77	35,260	32,000	28,750
CMBB2203	9/26/2022	91	2:1	12,200	35.50%	1,900	160	6.67%	14	11.78	36,080	35,500	24,100
CVHM2208	7/11/2022	14	8:1	41,800	26.27%	1,200	1,020	2.00%	293	3.48	79,000	6,900	63,500
CVHM2208	7/11/2022	14	8:1	41,800	26.27%	1,200	1,020	2.00%	293	3.48	79,000	6,900	63,500
CHPG2201	10/21/2022	116	10:1	33,000	36.21%	1,300	130	0.00%	0	7,406.79	51,566	49,666	22,900
CHPG2201	10/21/2022	116	10:1	33,000	36.21%	1,300	130	0.00%	0	7,406.79	51,566	49,666	22,900
CHPG2201	10/21/2022	116	10:1	33,000	36.21%	1,300	130	0.00%	0	7,406.79	51,566	49,666	22,900
CKDH2204	8/15/2022	49	8:1	116,800	36.73%	1,300	80	0.00%	3	26.12	54,453	53,333	39,050
CVNM2201	9/21/2022	86	16:1	69,300	25.93%	1,200	260	-3.70%	12	21.93	93,508	89,988	71,100
CVNM2201	9/21/2022	86	16:1	69,300	25.93%	1,200	260	-3.70%	12	21.93	93,508	89,988	71,100
CVNM2201	9/21/2022	86	16:1	69,300	25.93%	1,200	260	-3.70%	12	21.93	93,508	89,988	71,100
CVNM2203	8/15/2022	49	20:1	353,500	25.92%	1,000	170	-10.53%	16	10.85	84,311	81,111	133,000
Tổng				2,992,600	32.85%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/06/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CVNM2203 và CHPG2206 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 100.00% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 20.29%, CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.07% thị trường.
- CVHM2208, CHPG2202, CVNM2201 và CACB2102 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2210,CNVL2204,CNVL2201 và CPDR2203 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CFPT2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	71.5	-0.6%	0.7	4,550	9.9	3,515	20.3	4.7	48.9%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	129.5	6.1%	0.7	1,365	11.1	5,443	23.8	3.9	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	55.1	0.5%	1.3	1,778	2.1	2,529	21.8	1.9	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	48.8	0.0%	0.6	497	0.1	3,644	13.4	1.5	58.5%	11.1%
VIC	Bất động sản	73.8	-1.1%	0.5	12,238	5.8	(578) #N/A	N/A	2.7	12.3%	-2.4%
VRE	Bất động sản	28.8	4.4%	1.1	2,840	1.6	401	71.7	2.1	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	63.5	0.5%	0.8	12,022	7.4	8,786	7.2	2.1	23.4%	34.5%
DXG	Bất động sản	21.0	2.4%	1.5	555	5.3	1,503	14.0	1.4	31.2%	11.3%
SSI	Chứng khoán	19.9	6.7%	1.7	1,286	11.6	2,841	7.0	1.4	34.5%	22.6%
VCI	Chứng khoán	36.0	6.8%	1.0	524	4.9	4,884	7.4	1.7	18.4%	26.9%
HCM	Chứng khoán	21.3	6.8%	1.6	422	5.2	2,619	8.1	1.3	42.8%	17.9%
FPT	Công nghệ	86.5	1.2%	0.9	4,126	4.7	4,293	20.1	4.9	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	68.3	0.4%	0.4	975	0.0	4,926	13.9	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	114.4	0.4%	1.0	9,520	4.5	5,109	22.4	4.0	3.0%	19.2%
PLX	Dầu khí	41.5	1.7%	1.5	2,293	1.0	1,950	21.3	2.1	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	24.6	2.5%	1.6	511	6.7	1,408	17.5	1.0	8.9%	5.5%
BSR	Dầu khí	28.7	2.5%	0.8	3,869	15.4	2,108	13.6	2.4	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.1	1.8%	0.3	501	0.0	6,105	14.4	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	49.2	-6.9%	1.2	836	9.7	12,920	3.8	1.6	16.6%	50.2%
DCM	Hóa chất	33.5	-6.9%	1.2	771	9.3	5,643	5.9	2.0	10.3%	38.9%
VCB	Ngân hàng	74.9	-0.1%	0.8	15,412	2.8	4,855	15.4	3.0	23.6%	21.1%
BID	Ngân hàng	31.8	1.8%	1.2	6,983	1.1	2,266	14.0	1.9	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	25.6	3.4%	1.5	5,349	4.3	2,558	10.0	1.3	26.3%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.9	2.7%	1.2	5,586	7.4	3,874	7.5	1.5	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	24.1	1.7%	1.3	3,959	5.8	3,623	6.7	1.4	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.0	0.6%	1.1	3,517	2.5	3,081	7.8	1.7	37.5%	24.2%
BMP	Nhựa	55.5	2.8%	0.7	198	0.1	3,150	17.6	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	38.0	2.4%	0.6	195	0.2	3,990	9.5	1.6	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.0	6.1%	1.5	908	0.3	178	106.7	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.9	5.0%	1.1	5,790	19.9	5,726	4.0	1.3	20.7%	40.4%
HSG	Thép	17.0	6.9%	1.6	365	5.8	7,157	2.4	0.7	7.3%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	71.1	-0.6%	0.6	6,461	5.6	4,390	16.2	4.6	54.5%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	156.8	0.8%	0.8	4,372	0.7	5,969	26.3	4.7	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	113.0	3.2%	1.0	6,995	4.3	7,041	16.0	5.8	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	16.2	1.3%	1.6	443	1.0	1,144	14.2	1.2	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	80.0	0.0%	0.8	7,572	0.5	363	220.5	4.6	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	133.0	3.7%	1.1	3,132	5.5	361	368.0	4.2	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.3	6.9%	1.7	1,569	1.3	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	52.5	1.0%	0.9	688	2.5	2,256	23.3	2.4	45.3%	10.8%
PVT	Vận tải	20.2	4.9%	1.4	284	1.9	2,088	9.7	1.2	12.5%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.9	1.2%	0.9	528	0.1	10,540	7.2	2.3	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	53.5	0.9%	0.7	1,043	2.3	3,677	14.6	3.1	5.4%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	2.6%	1.2	264	0.4	783	20.3	1.2	2.0%	5.6%
CTD	Xây dựng	53.9	3.7%	1.3	173	0.8	(27) #N/A	N/A	0.5	48.3%	0.0%
CII	Xây dựng	17.2	2.1%	1.4	189	2.2	1,266	13.6	0.8	10.1%	6.1%
REE	Điện	86.0	0.2%	-1.4	1,329	4.0	5,994	14.3	2.2	49.0%	16.7%
PC1	Điện	38.8	1.8%	-0.4	397	2.9	3,238	12.0	1.9	4.8%	16.9%
POW	Điện	13.9	2.2%	0.6	1,410	8.0	859	16.1	1.1	2.3%	6.9%
NT2	Điện	25.1	3.3%	0.7	314	2.4	1,933	13.0	1.7	13.5%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	32.0	6.3%	1.5	1,068	6.4	866	37.0	1.7	18.9%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	62.1	0%	0.9	2,795	0.4	1,190	52.2	3.9	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVL	78.80	6.49	2.45	3.98MLN
MSN	113.00	3.20	1.31	882000
HPG	22.90	5.05	1.29	20.74MLN
CTG	25.60	3.43	1.07	3.90MLN
VPB	28.90	2.66	0.89	5.87MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.80	1.82MLN	1.11MLN
DPM	-0.01	-0.37	4.30MLN	607060
DCM	-0.01	-0.35	6.10MLN	373600
VNM	0.00	-0.22	1.80MLN	192700
LPB	0.00	-0.20	12.85MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TDH	5.35	7.00	0.01	331700.00
APG	6.74	6.98	0.02	1.76MLN
VND	18.40	6.98	0.38	25.20MLN
CIG	5.83	6.97	0.00	106500
SAV	17.65	6.97	0.01	13500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	16.65	-6.98	-0.02	28900
LAF	18.00	-6.98	-0.01	11000
PDN	101.60	-6.96	-0.04	100.00
RAL	97.70	-6.95	-0.04	122000
BBC	100.40	-6.95	-0.04	300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

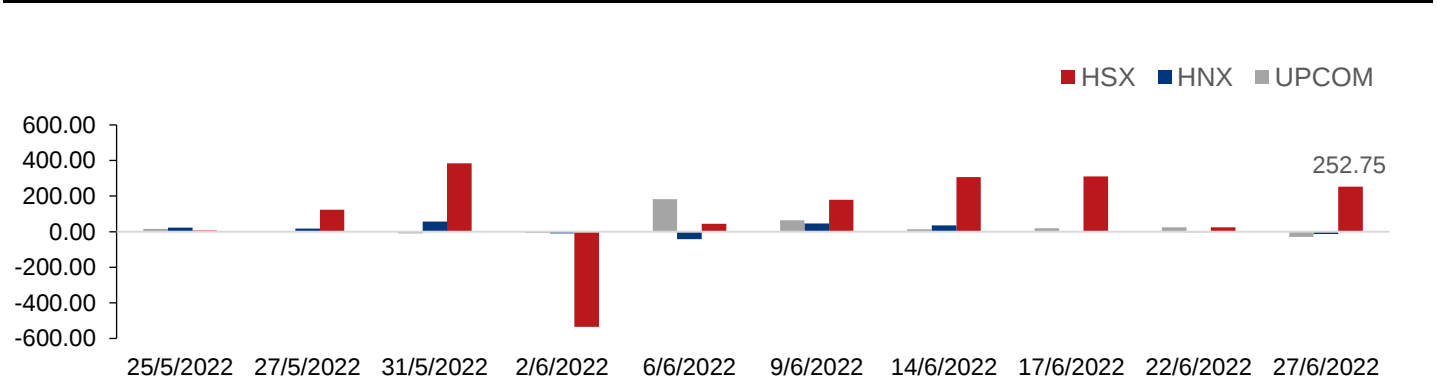
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	48.90	5.47	1.05	1.71MLN
SHS	15.00	5.63	0.83	6.32MLN
BAB	17.50	4.17	0.80	13593
HUT	27.20	8.37	0.71	4.43MLN
PVS	24.60	2.50	0.24	6.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	31.40	-3.09	-0.94	7800
L14	106.00	-3.64	-0.14	272289
SHN	7.20	-7.69	-0.12	8400
VIF	17.30	-5.98	-0.07	800
DP3	90.00	-3.74	-0.02	1000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NBW	23.10	10.0	0.01	1200
SLS	125.40	10.0	0.09	17800
VC9	9.90	10.0	0.01	42400
VNC	37.40	10.0	0.02	500
AAV	8.90	9.9	0.03	336702.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJ1	12.90	-9.79	-0.02	401
NFC	13.20	-9.59	-0.01	1900
BPC	10.00	-9.09	0.00	112
MED	22.00	-8.71	-0.02	3506
X20	8.50	-8.60	-0.01	900

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	63.1	3,434	18.4	5.1	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	129.5	5,443	23.8	3.9	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.6	1,701	8.0	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	25.1	1,933	13.0	1.7	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	76.2	10,029	7.6	1.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	89.0	4,874	18.3	5.8	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	38.8	3,238	12.0	1.9	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.3	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	86.5	4,293	20.1	4.9	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.7	2,466	11.2	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	18.4	9,632	1.9	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.9	859	16.1	1.1	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	129.5	5,443	23.8	3.9	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	71.5	3,515	20.3	4.7	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.2	2,088	9.7	1.2	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	120.0	8,710	13.8	6.1	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.9	5,726	4.0	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	32.0	866	37.0	1.7	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	22.3	5,084	4.4	1.4	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	21.0	1,503	14.0	1.4	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	121.8	8,596	14.2	5.4	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	57.5	2,136	26.9	2.9	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	30.6	2,701	11.3	2.1	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	92.7	8,331	11.1	2.7	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	30.5	1,941	15.7	1.4	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.8	3,644	13.4	1.5	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	24.6	1,408	17.5	1.0	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	114.4	5,109	22.4	4.0	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	19.5	3,141	6.2	1.3	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	53.9	-27	#N/A N/A	0.5	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.6	1,701	8.0	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.0	1,350	7.4	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.0	1,350	7.4	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	10.6	2,433	4.3	0.8	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	129.5	5,443	23.8	3.9	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	129.5	5,443	23.8	3.9	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	71.5	3,515	20.3	4.7	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	45.8	2,762	16.6	3.2	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	36.0	1,900	19.0	1.6	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	28.7	2,108	13.6	2.4	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.5	1,034	15.9	1.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	92.7	8,331	11.1	2.7	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	43.9	2,916	15.1	2.3	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	12.2	689	17.7	0.9	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	19.5	1,956	9.9	1.0	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.9	3661.8	12.3	1.8	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	25.1	1,933	13.0	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639